TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **87**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 4 - 2025
"V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thanh.
2. Bà Trần Thị Vân Anh.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 29/4/2025 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bàn Thị N, sinh năm 1987.

- Bị đơn: Anh Tướng Văn N, sinh năm 1990.

Cùng nơi cư trú: Thôn 9 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Anh N đã được Tòa án triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng tại phiên tòa vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Bàn Thị N trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tướng Văn N có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2010 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2020 thì vợ chồng

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Thực tế chị và anh N đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay mỗi người một nơi không còn quan tâm thăm hỏi gì đến nhau nữa. Chị xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tướng Văn N theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Tướng Văn N có 02 con chung là cháu Tướng Kim H, sinh ngày 05/8/2010 và cháu Tướng Ngọc H, sinh ngày 18/12/2015. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, đất đai chung và công nợ chung: Chị và anh Tướng Văn N không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Chị Bàn Thị N xác định anh Tướng Văn N đã biết và được chị trực tiếp thông báo về việc chị gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị với anh N, nhưng anh N cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc.

Tại phiên tòa, chị Bàn Thị N vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

**** Đối với bị đơn anh Tướng Văn N:***

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2024; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/3/2025 và các văn bản tố tụng khác cho anh Tướng Văn N biết, báo gọi anh N nhiều lần đến Tòa án giải quyết vụ án nhưng anh N không trực tiếp đến Tòa án làm việc. Toà án đã phối hợp với đại diện thôn 9 M, xã Y trực tiếp đến đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú của anh N để lấy lời khai và làm việc nhưng anh N không có mặt tại gia đình và địa phương. Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương (thôn, xã) để trực tiếp thông báo về việc chị N gửi đơn đến Toà án nhân dân huyện Hàm Yên để giải quyết việc ly hôn giữa chị N với anh N, nhưng anh N cố tình trốn tránh nghĩa vụ không đến Toà án làm việc. Như vậy người bị khởi kiện là anh Tướng Văn N đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn 9 M, xã Y và tại UBND xã Y, huyện H được cung cấp: Hiện nay anh Tướng Văn N là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 9 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Anh N và chị N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2010 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Quá trình chung sống

đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về địa phương thăm gia đình, anh N làm công việc gì, địa chỉ cụ thể ở đâu thì địa phương không biết. Đồng thời đại diện thôn 9 M, xã Y cũng xác định: Địa phương đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 356/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024 và các văn bản tố tụng của Tòa án về việc giải quyết ly hôn giữa chị N và anh N, do Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên gửi nhờ địa phương giao, tống đạt trực tiếp cho anh N biết nội dung. Tuy nhiên do anh N thường xuyên đi làm ăn xa vắng nhà, không có mặt tại địa phương nên đại diện chính quyền địa phương đã trực tiếp gọi điện thoại thông báo cho anh N biết và tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định pháp luật.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Bàn Thị N cung cấp cho Tòa án: Đơn khởi kiện; 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); 01 Căn cước công dân mang tên Bàn Thị N (bản sao); 02 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính); 01 Đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí (Bản gốc).

- Bị đơn anh Tướng Văn N cung cấp cho Tòa án: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, thông báo anh Tướng Văn N đến Tòa án làm việc để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Tuy nhiên các lần thông báo của Tòa án anh N đều không đến làm việc nên Tòa án không tiến hành hòa giải được cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định chung của pháp luật.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát*:

- *Về tố tụng*: Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn chị Bàn Thị N chấp hành tốt các quy định pháp luật; Bị đơn anh Tướng Văn N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng đều vắng mặt không đến Tòa án làm việc nên Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N theo quy định pháp luật. Vì vậy có thể xác định anh Tướng Văn N đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ của mình, nên vụ án được giải quyết theo thủ tục chung.

- *Về việc giải quyết vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Tướng Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Tướng Kim H, sinh ngày 05/8/2010 và cháu Tướng Ngọc H, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Bàn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Tướng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bàn Thị N và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng thuộc trường hợp được miễn nên đề nghị miễn án phí cho chị N theo quy định của pháp luật; Anh Tướng Văn N không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Chị Bàn Thị N có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Tướng Văn N nên xác định đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Theo thông tin chị Bàn Thị N cung cấp và Tòa án xác minh thì hiện nay bị đơn anh Tướng Văn N là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 9 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc vắng mặt của bị đơn anh Tướng Văn N tại phiên tòa: Qua xác minh tại địa phương nơi anh N đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi anh N thường xuyên sinh sống, chính quyền địa phương cung cấp: Anh N thường xuyên đi làm ăn xa nhà, thi thoảng mới về thăm gia đình và địa phương. Trước khi chị N nộp đơn ly hôn lên Tòa án thì chị N đã thông báo cho anh N biết việc chị N sẽ làm đơn ly hôn với anh N gửi Tòa án giải quyết, anh N biết nhưng nói không về Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án đã tiến hành các thủ tục theo quy định pháp luật về thụ lý vụ án, mở phiên họp công khai chứng cứ, xét xử thông qua chị Bàn Thị N (vợ anh N) và chính quyền địa phương. Như vậy người bị kiện là anh Tướng Văn N đã cố tình trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo thủ tục chung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tướng Văn N theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị N và anh Tướng Văn N được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 04/11/2010 tại UBND xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên

gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị N và anh N là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị N và anh N hạnh phúc đến năm 2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do không hợp tính nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Chị N xác định không còn tình cảm với anh N, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N với anh N đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình. Thực tế chị N và anh N đã sống ly thân nhau từ năm 2020 đến nay không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau nữa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh N đã quá căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bàn Thị N và xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Tướng Văn N theo quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Bàn Thị N và anh Tướng Văn N có 02 con chung là cháu Tướng Kim H, sinh ngày 05/8/2010 và cháu Tướng Ngọc H, sinh ngày 18/12/2015. Chị Bàn Thị N có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị; Hiện nay các con chung đang ở cùng với chị N, anh N thường xuyên đi làm xa vắng nhà. Cháu H và cháu H có nguyện vọng được ở cùng với mẹ cháu là chị Bàn Thị N. Để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển về mọi mặt của cháu H và cháu H, qua xem xét ý kiến của nguyên đơn chị Bàn Thị N và căn cứ kết quả xác minh tại địa phương thì cuộc sống của cháu H và cháu H vẫn đảm bảo cả về tinh thần, vật chất và được học tập đầy đủ khi ở với chị N. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cháu Tướng Kim H và cháu Tướng Ngọc H cho chị Bàn Thị N được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Tướng Văn N không đến Tòa án làm việc nên không xác định được anh N có nguyện vọng cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bàn Thị N không; Đồng thời chị Bàn Thị N không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Do đó, Hội đồng xét xử xét không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, đất đai và công nợ chung: Chị Bàn Thị N xác định vợ chồng không có không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Bàn Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm, tuy nhiên chị N thuộc trường hợp được miễn số tiền án phí ly hôn sơ thẩm trên theo quy định; Anh Tướng Văn N không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 179, điểm e khoản 1 Điều 192; các Điều 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bàn Thị N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị N được ly hôn với anh Tướng Văn N.

2. Về con chung: Giao cháu Tướng Kim H, sinh ngày 05/8/2010 và cháu Tướng Ngọc H, sinh ngày 18/12/2015 cho chị Bàn Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; Anh Tướng Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bàn Thị N và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm:

+ Nguyên đơn chị Bàn Thị N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng chị N được miễn toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) cư trú tại thôn 9 M, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Bị đơn anh Tướng Văn N không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị N và anh Tướng Văn N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Y (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Đức Tùng